

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ XUYỀN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HS-ST
Ngày 19-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ XUYỀN, TỈNH HÀ GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Anh Luyện.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Lâm - Nghề nghiệp: Nghỉ hưu.
- Bà Trần Thị Hoài – Nghề nghiệp: Cán bộ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Cường -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Quân - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Nhà văn hóa thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2017/HSST ngày 25-8-2017 đối với:

Bị cáo: **ĐẶNG VĂN P** - Sinh ngày: 23-5-1995 tại huyện C, tỉnh D. Tên gọi khác: **V**.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn E, xã B, huyện C, tỉnh D.

Chỗ ở hiện nay: Thôn E, xã B, huyện C, tỉnh D.

Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: Không; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Bố đẻ: Đặng Văn C – Sinh năm: 1957; Mẹ đẻ: Đặng Thị B – Sinh năm: 1959; Gia đình không có anh em, bị cáo là con một trong gia đình; Vợ, con: Không.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo Đặng Văn P bị bắt ngày 30-5-2017, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh D. Hôm nay có mặt.

Người bị hại: Ông **Trần Văn Đ** – Sinh năm: 1954; Địa chỉ: Đội 2, thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D.

Hôm nay có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Đặng Văn P (Tên gọi khác: V) bị Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh D truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 22-5-2017, Đặng Văn P khi đang chơi tại khu vực chợ xã G, huyện C, tỉnh D thì nảy sinh ý định trộm cắp con trâu của gia đình ông Trần Văn Đ - Sinh năm 1955; Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D để bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, P điều khiển xe mô tô BKS 23H2-8410, nhãn hiệu LONCSTAR (*bị thay bằng nhãn hiệu Dream*) Dung tích xi lanh 97 cm³, màu sơn nâu đi đến một ngôi nhà bỏ hoang tại thôn A, xã B và ngồi đợi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, thì P để xe mô tô ở ngôi nhà hoang và đi bộ đến khu vực chuồng trâu của gia đình ông Đ. Đến nơi P phát hiện thấy con trâu buộc trong chuồng, P quan sát xung quanh thấy không có người qua lại và nhà ông Đ đã tắt điện. Lúc đó do trời mưa to nên P ngồi lại ở chuồng trâu, đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 23-5-2017 trời mưa tạnh, P tháo thanh gỗ ngang làm cửa chuồng trâu (đóng chuồng trâu) rồi tháo dây thừng buộc trâu và dắt trâu ra khỏi chuồng ra đường liên xã B - G P dắt trâu buộc vào một gốc cây cạnh bờ suối.

Bị cáo P điều khiển xe mô tô đi đến thôn H, xã L, huyện C. P vào một lò gạch ngủ, đến khoảng 06 giờ ngày 23-5-2017 thì dậy và đi tìm đến nhà ông Hoàng Văn N - Sinh năm: 1966; Trú tại: Tổ 17, thị trấn M, huyện C, tỉnh D để liên hệ bán trâu. Sau khi trao đổi thỏa thuận, ông N đồng ý mua nhưng yêu cầu P phải mang trâu đến để xem. Sau đó ông N thuê xe ô tô của anh Lê Đức T và bảo Hoàng Văn M - Sinh năm: 1987 là cháu ông N, đi cùng P mang trâu về. P dẫn anh T và anh M đến chỗ buộc trâu. Anh T cho xe ô tô lùi sát taluy dương để P dắt trâu lên thùng xe, rồi chở về nhà ông N. Sau khi xem trâu, ông N và P thống nhất giá con trâu là 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*). Ông N cho viết giấy mua bán và giao tiền, có mời người chứng kiến. Số tiền sau khi bán trâu, P đi lên thành phố N mua 01(*một*) điện thoại di động Iphone 5S (đã qua sử dụng) với số tiền 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*), mua quần áo với số tiền là 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*), số tiền còn lại P đã tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan điều tra không truy thu được.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 07-6-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh D kết luận: Con trâu đực, màu lông đen (*khoảng sáu tuổi*), sừng dài 55 cm, thân dài khoảng 2m50, cao khoảng 1m50 có giá trị là: 33.000.000đ (*ba mươi ba triệu đồng*).

Về vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5S vỏ màu trắng.
- 01(*một*) xe mô tô nhãn hiệu LONCSTAR (*bị thay bằng nhãn hiệu Dream*) biển kiểm soát 23H2-8410, màu sơn nâu (mang tên Cao Thế V, đăng ký ngày 01/04/2002 tại Công an tỉnh D).
- 01 (*một*) áo kẻ ô vuông màu xanh, trắng, xám dài tay.
- 01(*một*) quần thô lưng màu đỏ sẫm.
- 01 (*một*) áo cộc tay màu xám bạc.
- 01 (*một*) quần đùi màu xanh thẫm.

Đối với vật chứng là con trâu, sau khi ông Hoàng Văn N mua của Đặng Văn P. Ngày 24-5-2017, ông N đã bán lại cho anh Giàng Thảo P – Sinh năm: 1973; Trú tại: Thôn O, xã P, huyện Q, tỉnh D với giá 33.000.000đ (*ba mươi ba triệu đồng*). Anh P đã mang trâu về xã P, huyện Q, sau đó bán lại cho người khác (không biết tên, tuổi, địa chỉ) với giá tiền là 35.000.000đ (*ba mươi lăm*

triệu đồng). Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng không truy tìm và thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Văn Đ đề nghị yêu cầu bị cáo Đặng Văn P phải có trách nhiệm bồi thường giá trị con trâu mà P trộm cắp với số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Tại cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 25-8-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh D quyết định truy tố với bị cáo Đặng Văn P (Tên gọi khác: V) về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đặng Văn P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 23-5-2017, bị cáo Đặng Văn P đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là con trâu của gia đình ông Trần Văn Đ - Sinh năm: 1955; Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D. Sau đó mang bán cho ông Hoàng Văn N - Sinh năm: 1966; Trú tại: tổ 17, thị trấn M, huyện C, tỉnh D với giá 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), số tiền bán trâu có được Đặng Văn P đã mua sắm và tiêu sài cá nhân hết. Bị cáo P nhất trí bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của ông Đ, tại thời điểm xét xử. Bị cáo Đặng Văn P đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người bị hại ông Trần Văn Đ công nhận lời khai của bị cáo Đặng Văn P là đúng. Ông Trần Văn Đ yêu cầu bị cáo Đặng Văn P phải có trách nhiệm bồi thường giá trị con trâu mà P trộm cắp với số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) theo giá thị trường tại thời điểm xét xử. Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

Những người làm chứng đã khai tại hồ sơ và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Văn P khai nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo P. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo; lời khai của người bị hại; người làm chứng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C đề nghị với HĐXX như sau:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Đặng Văn P (tên gọi khác: V) phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h,p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Văn P từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 30-5-2017.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Trần Văn Đ và bị cáo Đặng Văn P thỏa thuận bồi thường giá trị con trâu với số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Bị cáo P nhất trí bồi thường thiệt hại cho ông Đ.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Tiêu hủy những vật chứng không có giá trị:

- 01 (một) áo kẻ ô vuông màu xanh, trắng, xám dài tay.
- 01 (một) quần thô lưng màu đỏ sẫm.
- 01 (một) áo cộc tay màu xám bạc.
- 01 (một) quần đùi màu xanh thẫm.

Tịch thu, sung quỹ nhà nước:

- 01(một) xe mô tô nhãn hiệu LONCSTAR (bị thay bằng nhãn hiệu Dream) biển kiểm soát 23H2-8410, màu sơn nâu (mang tên Cao Thế V, đăng ký ngày 01/04/2002 tại Công an tỉnh D).

Tạm giữ tài sản để bảo đảm thi hành án gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5S vỏ màu trắng.

Theo như biên bản bàn giao ngày 25-8-2017 và Biên bản xác định lại nhãn hiệu xe mô tô ngày 13-9-2017 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa đánh giá toàn bộ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, lời khai người bị hại, người làm chứng.

XÉT THẤY

Bị cáo Đặng Văn P (Tên gọi khác: V) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 23-5-2017, bị cáo Đặng Văn P đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là con trâu có giá trị là 33.000.000đ(theo HĐĐG tài sản) của gia đình ông Trần Văn Đ - Sinh năm: 1955; Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D. Sau đó mang bán cho ông Hoàng Văn N - Sinh năm: 1966; Trú tại: tổ 17, thị trấn M, huyện C, tỉnh D với giá 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*), số tiền bán trâu có được Đặng Văn P đã mua sắm và tiêu sài cá nhân hết. Lời nhận tội của bị cáo P trước phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp biên bản định giá tài sản, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo Đặng Văn P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tài sản bị cáo P trộm cắp được có giá trị là 33.000.000đ. Bị cáo P là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đặng Văn P (tên gọi khác: V) phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Như đại diện Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

"Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo P đã xâm hại đến tài sản của người khác, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, làm mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương, là nguy hiểm cho xã hội, khi bị phát hiện còn quanh co chối tội, không thành khẩn khai báo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án phù hợp trong khung hình phạt

quy định đối với bị cáo P, để bị cáo P có thời gian rèn luyện tu dưỡng bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung loại tội phạm này.

Xét nhân thân bị cáo P chưa có tiền án, tiền sự. Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải. Do vậy bị cáo P được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi; quyết định tố tụng về khởi tố vụ án; khởi tố bị can; ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu; vật chứng đã khách quan phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về phần trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Trần Văn Đ yêu cầu bị cáo Đặng Văn P phải có trách nhiệm bồi thường giá trị con trâu mà P trộm cắp với số tiền là 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*) theo giá thị trường tại thời điểm xét xử. Bị cáo P nhất trí bồi thường thiệt hại cho ông Đ theo yêu cầu của ông Đ. HĐXX xét thấy cần chấp nhận sự thỏa thuận của người bị hại ông Đ và bị cáo P. Buộc bị cáo P phải bồi thường thiệt hại tài sản cho ông Đ số tiền 40.000.000đ .

Theo Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 375, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Mục II nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Tòa án nhân dân tối cao “*Về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Về vật chứng vụ án:

Tiêu hủy những vật chứng không có giá trị:

- 01 (một) áo kẻ ô vuông màu xanh, trắng, xám dài tay.
- 01 (một) quần thô lưng màu đỏ sẫm.
- 01 (một) áo cộc tay màu xám bạc.
- 01 (một) quần đùi màu xanh thẫm.

Tịch thu, sung quỹ nhà nước:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu LONCSTAR (*bị thay bằng nhãn hiệu Dream*) BKS 23H2-8410, màu sơn nâu; Số máy LC150FMG*01312036*; Số khung LX100*01312036* (mang tên Cao Thế V, đăng ký ngày 01/04/2002 tại Công an tỉnh D). Bị cáo P mua lại chưa sang tên đổi chủ, bị cáo P dùng làm phương tiện đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Tạm giữ tài sản để bảo đảm thi hành án dân sự gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5S vỏ màu trắng. Do bị cáo P lấy tiền bán trâu để mua điện thoại.

(Tất cả vật chứng đều đã qua sử dụng. Theo như biên bản bàn giao ngày 25-8-2017 và Biên bản xác định nhãn hiệu xe mô tô ngày 13-9-2017 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện C)

Theo Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Văn P (tên gọi khác: V) phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000đ án phí dân sự có giá ngạch. Theo quy định khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại theo quy định tại Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong vụ án trên, đối với ông Hoàng Văn N là người đã mua trâu của bị cáo P. Khi mua bán ông Hoàng Văn N không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, không biết gì về việc bị cáo P đi trộm cắp. Đối với ông Giàng Thào P khi mua lại trâu của ông Hoàng Văn N, ông P cũng không biết con trâu là tài sản do trộm cắp có được. Nên không xem xét trách nhiệm đối với ông Hoàng Văn N và ông Giàng Thào P.

Đối với anh Lê Đức T là người được ông N thuê chở con trâu về nhà ông N và anh Hoàng Văn M là người được ông N nhờ đi cùng xe ô tô để chở trâu về. Anh T và anh M không biết con trâu là tài sản trộm cắp cũng như việc bị cáo P trộm cắp tài sản. Nên không xem xét trách nhiệm đối với anh Lê Đức T và anh Hoàng Văn M.

Đối với hành vi khai báo và tố cáo anh Hoàng Văn H trước Cơ quan điều tra của bị cáo Đặng Văn P về việc anh H là người cùng bị cáo P tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Mặc dù bị cáo P biết rõ là anh H không cùng tham gia thực việc trộm cắp tài sản là con trâu của gia đình ông Trần Văn Đ. Quá trình điều tra xác minh cũng đã chứng minh anh H không tham gia trộm cắp cùng bị cáo P. Đã có đủ yếu tố cấu thành tội Vu khống theo quy định tại khoản 1 điều 122 Bộ luật hình sự (khởi tố theo yêu cầu của bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự). Trong quá trình điều tra, anh Hoàng Văn H đã có đơn đề nghị không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đặng Văn P về hành vi nêu trên. Ngày 25-7-2017, Công an huyện C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số: 84/QĐ-XPHC đối với bị cáo Đặng Văn P về hành vi Báo thông tin giả đến các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn P (Tên gọi khác: V) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn P (tên gọi khác: V) 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo P bị bắt, ngày 30-5-2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo P để bảo đảm thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 375, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đặng Văn P (tên gọi khác: V) phải bồi thường thiệt hại tài sản số tiền: 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) cho ông Trần Văn Đ – Địa chỉ: Đội 2, thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, sung quỹ nhà nước:

- 01(một) xe mô tô nhãn hiệu LONCSTAR (bị thay bằng nhãn hiệu Dream) BKS: 23H2-8410, màu sơn nâu; Số máy LC150FMG*01312036*; Số khung LX100*01312036* (mang tên Cao Thế V. S/N:1966; Địa chỉ: B, C, đăng ký mới ngày 01/04/2002 tại Công an tỉnh D). Bị cáo P mua lại chưa sang tên đổi chủ.

Tạm giữ tài sản để bảo đảm thi hành án:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5S vỏ màu trắng, số IMEI 355677072468297.

Tiêu hủy những vật chứng không có giá trị:

- 01 (một) áo kẻ ô vuông màu xanh, trắng, xám dài tay, cúc bấm kim loại hình chữ nhật.

- 01(một) quần thô lưng màu đỏ sẫm, ở túi bên phải có dòng chữ KAKIHQ màu trắng.

- 01 (một) áo cộc tay màu xám bạc, bên trong cổ áo có gắn lô gô, trên lô gô có dòng xV&T fashion,1XL.

- 01 (một) quần đùi màu xanh thẫm, ống quần bên trái có thêu hình 03 ngôi sao, 01 con sư tử, dưới chân con sư tử có dòng chữ THANGSLOU.

Tất cả vật chứng đều đã qua sử dụng.

(Theo như biên bản bàn giao ngày 25-8-2017 và Biên bản xác định nhãn hiệu xe mô tô ngày 13-9-2017 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện C)

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Buộc bị cáo Đặng Văn P (tên gọi khác: V) phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền: 2.000.000đ (hai triệu đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19-9-2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thi hành án huyện C;
- Lưu hs, hstha, vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Anh Luyện

Bản án gốc được thông qua tại phòng xét xử cho các thành viên hội đồng xét xử nghe nhất trí đúng nội dung đã thảo luận và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

